

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HSST

Ngày: 21/4/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Bách.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Vũ Thị Linh và ông Nguyễn Văn Bạ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mạc Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lệ- Kiểm sát viên.

Ngày 21/4/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2022/TLST-HS, ngày 01 tháng 12 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HS ngày 16/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 16/02/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 16/3/2023, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 10 ngày 06/4/2023 và số 11 ngày 14/4/2023, đối với các bị cáo:

1) Dương Văn N- sinh năm 1994;

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Dương Văn T, mẹ đẻ Vũ Thị H; Vợ là Lê Thị Thu T; Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

2) Trần Đức B- sinh năm 1982;

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: KDC T2, phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Trần Đức S (đã chết), mẹ đẻ Dương Thị T; Vợ là Nguyễn Thị T; Có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

3) Vũ Hồng M- sinh năm 1998;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Vũ Hồng P, mẹ đẻ Triệu Thị L.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

4) Ngô Văn T- sinh năm 2003;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Ngô Văn C, mẹ đẻ Nguyễn Thị Y; Vợ là Nguyễn Thị T; Có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/10/2022 đến ngày 08/11/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.

Có mặt tại phiên tòa.

5) Bùi Văn M1- sinh năm 1995;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Bùi Văn T, mẹ đẻ Mạc Thị P.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

6) Bùi Văn H- sinh năm 1998;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Bùi Văn Đ, mẹ đẻ Đỗ Thị T; Vợ là Phạm Thị N.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

7) Trần Xuân T1- sinh năm 2001;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Trần Văn N, mẹ đẻ Dương Thị S.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 48 ngày 17/01/2020 của Công an thành phố Chí Linh về hành vi Đánh bạc, mức phạt 1.500.000đ, đã nộp phạt xong ngày 17/01/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/11/2022, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

8) Nguyễn Văn T2- sinh năm 2002;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC T, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Nguyễn Văn C, mẹ đẻ Nguyễn Thị G; Vợ là Phạm Thị N.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/8/2022 đến ngày 31/8/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh.

Có mặt tại phiên tòa.

9) Trần T3- sinh năm 1986;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ Trần T4, mẹ đẻ Nguyễn Thị L; Vợ là Lương Thị X; Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần T4- sinh năm 1966.

Địa chỉ: KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

** Những người làm chứng:*

Anh Nguyễn Văn V- sinh năm 1991.

Anh Trần Văn T- sinh năm 1998.

Anh Trần Danh K- sinh năm 1993.

Anh Phạm Đình H- sinh năm 2000.

Anh Nguyễn Văn V- sinh năm 1992.

Ông Nguyễn Văn L- sinh năm 1966.

Ông Trần Văn Đ- sinh năm 1968.

Ông Bùi Duy H- sinh năm 1967.

Anh Trần Ú- sinh năm 1975.

Bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1967.

Chị Trần Thị D- sinh năm 1988.

Chị Phạm Ngọc A- sinh năm 1978.

Anh Bùi Văn K- sinh năm 2004.

Anh Phạm Bá T- sinh năm 1990.

Bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1955.

Ông Triệu Xuân L- sinh năm 1949.

Anh Trương Minh T- sinh năm 1990.

Anh Phạm Đình H- sinh năm 2001.

Anh Vũ Văn A- sinh năm 1993.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 14/5/2022, do mâu thuẫn trong việc vay nợ, Vũ Hồng M điều khiển xe mô tô BKS: 34C1-195.54 (xe Minh mượn của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955, nơi cư trú KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, Hải Dương để làm phương tiện đi lại) chở Dương Văn N đến nhà Trần T3 để đòi nợ. Đến nơi N đứng ở cửa gọi T3 ra để nói chuyện còn M đứng ở phía ngoài, khi T3 đi ra N chửi “Đ.M mày sao tao gọi điện thoại mày không nghe máy” và dùng tay túm cổ áo của T3, T3 gạt tay N ra rồi chạy vào trong góc nhà lấy 01 thanh kim loại hình trụ, đường kính khoảng 2-3cm, dài khoảng 1,5m, có một đầu nhọn đuôi đánh N. Thấy vậy N bỏ chạy ra ngoài đường theo hướng ra Quốc lộ 37, qua ngã tư GH, khi chạy được khoảng 50m thì T3 đuổi kịp, cầm thanh kim loại chọc phần đầu nhọn trúng 01 phát vào lưng của N được can ngăn thì T3 dừng lại, cầm theo hung khí đi về nhà.

Sau khi bị đánh, N đi bộ đến khu vực quán tạp hóa của ông Bùi Duy H, sinh năm 1967 ở khu vực ngã 4 GH, phường T, thành phố Chí Linh. Tại đây N gọi điện thoại cho Trần Văn T, sinh năm 1988, nơi cư trú KDC T, phường Đ, thành phố Chí Linh, Hải Dương đến để đưa N đi sơ cứu. N sử dụng điện thoại Iphone 11, màu đen, (không nhớ số điện thoại) gọi cho Trần Xuân T1 nói chuyện bị đánh và báo T1 đến. Khi thấy Dương Văn N bị đánh, M dùng điện thoại Nokia 1202 (không nhớ số điện thoại) gọi cho Đoàn Văn N1 kể chuyện Dương Văn N bị đánh. Sau khi nhận được điện thoại, Đoàn Văn N1 nói với Nguyễn Văn T2, Trần Đức B, Bùi Văn T5, sinh năm 1993, trú tại KDC G, phường T, thành phố Chí Linh việc Dương Văn N vừa bị đánh, B nói “*anh em về xem thế nào*”. T5 điều khiển ô tô của mình chở B, Đoàn Văn N1, T1, T2 đi về phía KDC G, phường T để tìm Dương Văn N. Khi Dương Văn N, M ngồi uống nước tại khu vực ngã tư G thì có Bùi Văn H đi làm về qua, N kể cho H việc vừa bị Trần T3 đuổi đánh. Sau đó Dương Văn N bảo M và H “*mày đi lấy đồ cho anh*”, M và H hiểu là đi lấy hung khí nên hỏi Dương Văn N “*lấy đồ ở đâu bây giờ*” thì Dương Văn N bảo “*mày cứ đi đi*”. H điều khiển xe mô tô loại Wave, màu trắng, không rõ biển số xe (xe H mượn của người đàn ông tên T6 không rõ lý lịch, địa chỉ) chở M đi về hướng KDC GT, phường T để tìm hung khí. Khoảng 5 phút sau, Trần Văn T5 đi qua, thấy Dương Văn N bị thương nên T5 gọi điện thoại cho Nguyễn Huy H1 kể việc N vừa bị đánh. H1 nghe thấy vậy thì nói chuyện với Ngô Văn T, Bùi Văn M1. Sau đó T sử dụng xe mô tô SH màu trắng, không rõ biển kiểm soát của H1 chở H1, M1 đi tìm Dương Văn N. Khi T5 chở B, T1, T2, Đoàn Văn N1 đến khu vực ngã tư G, thì tất cả xuống xe còn T5

đi về. Khi gặp Dương Văn N, B hỏi “*nó đâu*”, Dương Văn N chỉ về phía Trần T3 đang đứng trước cửa nhà. B, T2, T1, Đoàn Văn N1, Dương Văn N đi bộ xuống khu vực trước cửa nhà Trần T3. Khi thấy nhóm Dương Văn N đi đến thì Trần T3 đi vào trong nhà và đóng cửa lại. B, Dương Văn N đứng ở phía ngoài cửa nhà chửi bới, gọi Trần T3 ra nói chuyện, B dùng chân đạp vào cửa cuốn nhà Trần T3; Dương Văn N nói với mọi người trong nhóm “*đi lấy đồ*”. Thấy vậy, T1 cùng T2 đi sang xưởng cơ khí của anh Phạm Bá T, sinh năm 1990 ở gần đó, Thêm lấy 01 thanh kim loại dài khoảng 1m, một đầu gắn 01 con dao bằng kim loại ở góc xưởng, quay lại đưa cho Dương Văn N. Dương Văn N cầm thanh kim loại đập nhiều nhất vào cửa cuốn nhà T3. T1, T2 và Đoàn Văn N1 tiếp tục chạy sang xưởng cơ khí của anh Phạm Bá T, T2 nhặt được 01 thanh kim loại dạng hình hộp, rỗng, có kích thước (1,5x1,5x232)cm; Đoàn Văn N nhặt được 01 thanh kim loại dạng hình hộp, rỗng, có kích thước (2x2x66)cm và 01 thanh kim loại dạng hình hộp, rỗng có kích thước (4x2x60)cm, T1 nhặt được 01 thanh kim loại dài khoảng 02m ở trong xưởng cầm đi đến trước cửa nhà T3. Các đối tượng đi lại, chửi bới ở trước cửa nhà T3 khoảng 05 phút sau thì T chở H1 và M1 đến; H chở M đến. H1 đi đến cửa nhà T3 cùng B chửi bới và dùng chân đạp nhiều nhất vào cửa cuốn. Khi thấy ở mái hiên nhà có camera thì T1 nói “*nhà nó có camera đấy*”. B bảo “*có camera à, hôm nay bố đập cả camera*” rồi B lấy thanh kim loại có gắn dao trên tay Dương Văn N đập về phía camera và nhặt nửa viên gạch bằng đất nung ném về phía camera nhưng không trúng. Thấy vậy, Đoàn Văn N1 nhặt gạch ở vỉa hè đối diện đưa cho B và H1. B và H1 ném làm gãy phần chân camera. Khoảng 10 phút sau, thấy T3 không ra cả bọn bỏ về. M1 nhặt thanh kim loại có gắn dao phay và nhặt 01 thanh kim loại dài khoảng 02m ở rìa đường đối diện nhà rồi cùng H đi cắt ở rìa tường bao nhà ông Bùi Duy H. M1, Thi, H đưa Dương Văn N đến trạm y tế phường T để sơ cứu vết thương rồi cùng nhau đi đến quán nước của anh Trương Mạnh T, sinh năm 1990, ở KDC T, phường T, thành phố Chí Linh. Khi đang uống nước thì có Trần Danh K, sinh năm 1993, nơi cư trú KDC V, phường T, thành phố Chí Linh; Phạm Đình H, sinh năm 2001, nơi cư trú KDC K, phường T, thành phố Chí Linh; Đoàn Văn N, M, H1, Trần Văn T, T đi đến và ngồi uống nước cùng. Quá trình ngồi uống nước Dương Văn N có bảo với Thi “*Mày đi lấy đồ cho anh*” T hỏi “*lấy ở đâu*” H1 bảo T “*mày về nhà anh lấy 02 con dao*”, T điều khiển xe mô tô của H1 chở H1 về nhà ở KDC T, phường Đ, thành phố Chí Linh, đến nơi T đỗ xe ở ngoài cửa, H1 vào trong nhà lấy ra 02 con dao bằng kim loại, dạng dao mèo dài khoảng 40-50cm, chuôi dao làm bằng gỗ được quấn áo khoác màu đen và để ở chỗ để chân của xe mô tô rồi cùng T quay lại chỗ Dương Văn N. B gọi điện thoại

cho Nguyễn Văn V, sinh năm 1992, nơi cư trú KDC B, phường V, thành phố Chí Linh (là lái xe taxi) bảo đến đón B. V điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 BKS: 14A-109.40 của V chở B và anh Phạm Ngọc A, sinh năm 1978, nơi cư trú KDC T, phường S, thành phố Chí Linh; Phạm Đình H, sinh năm 2000, nơi cư trú KDC G, phường T, thành phố Chí Linh đi đến ngồi uống nước cùng Dương Văn N. Khoảng 05 phút sau, T điều khiển xe mô tô mang theo hung khí và chở H1 quay lại quán nước. Khi thấy H1, T quay lại Dương Văn N đi ra xe để cùng H1, T tiếp tục đi tìm đánh Trần T3, thấy vậy anh Phạm Ngọc A đi ra can ngăn và giằng lấy 02 con dao trên rồi đưa cho M1 để cất đi. Khoảng 02 phút sau, Dương Văn N bảo M1 “*mày lấy đồ rồi đưa lại cho anh*”, thì M1 đồng ý. Dương Văn N, H1 lên xe mô tô do T điều khiển đi tìm Trần T3 nói chuyện. M1 cầm theo 02 con dao mào lên xe mô tô do H điều khiển đi theo Dương Văn N. M điều khiển xe mô tô chở Đoàn Văn N đi theo. Khi thấy Dương Văn N đi tìm Trần T3, B bảo V điều khiển xe ô tô chở B đi theo nhóm của N. Phạm Đình H, Trần Văn T, Trần Danh K, Phạm Đình H đi về nhà. Khi đi đến chợ G, phường T, thành phố Chí Linh, H điều khiển xe mô tô đuổi kịp T, N, H1. M1 cầm 02 con dao mào đưa cho H1 cùng nhau đến trước cửa nhà Trần T3. Dương Văn N và H3 xuống xe mỗi người cầm theo 01 con dao mào chạy đến nhà để tìm Trần T3 nhưng không thấy thì chửi bới người trong nhà. V chở B đi đến, B xuống xe rồi đi đến cùng N, H1 đứng ở ngoài cửa nhà chửi bới gọi T3 ra. Khoảng 10 phút sau, được mọi người can ngăn thì cả bọn ra về.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Huy H1, Trần Xuân T1, Đoàn Văn N1, Ngô Văn T, Nguyễn Văn T2 bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 16/8/2022 T2 bị bắt, ngày 21/10/2022 T ra đầu thú, ngày 04/11/2022 T1 ra đầu thú. Trong quá trình bỏ trốn T và T1 không đăng ký tạm trú ở đâu, không có hành vi vi phạm pháp luật gì.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích 243/TgT ngày 29/7/2022 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Hải Dương kết luận đối với thương tích của Dương Văn N: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 01%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 31/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Chí Linh kết luận: Tiền công sửa chữa 02 vết xước, lõm trên cửa cuốn làm bằng kim loại nhãn hiệu Autozimdoor màu ghi gồm: 01 vết lõm kích thước (2x2)cm và 01 vết lõm xước kích thước (20x5x9)cm giá là 300.000đ; Tiền thay thế chân gắn camera làm bằng nhựa màu trắng, nhãn hiệu Yoosee giá là 100.000đ; Tiền công lắp đặt chân gắn camera làm bằng nhựa màu trắng, nhãn hiệu Yoosee giá là 200.000đ; tổng thiệt hại là 600.000đ.

Việc thu giữ, quản lý, xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra thu giữ: 01 ống làm bằng kim loại hình hộp có kích thước (2x2)cm dài 66cm, rỗng ở giữa, hai đầu được cắt bằng phẳng và 01 ống kim loại hình hộp chữ nhật có kích thước (4x2)cm, một đầu được cắt vuông, một đầu nhọn, một cạnh dài 56cm, một cạnh còn lại dài 60cm, rỗng giữa; 01 ống làm bằng kim loại hình hộp có kích thước (2x2)cm, một đầu cắt vuông, một đầu nhọn, chiều dài 232cm, rỗng ở giữa do bà Nguyễn Thị L (là mẹ Trần T3) giao nộp; 01 con dao làm bằng kim loại, có chuôi dao bằng gỗ hình trụ dài 30cm do Trần T3 giao nộp; 03 mảnh gạch vỡ màu nâu đỏ thu tại hiện trường hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

Đối với: 01 thanh kim loại dài khoảng hơn 1m, hình trụ tròn có đường kính khoảng 2cm, phần đầu có gắn dao (Dương Văn N sử dụng); 01 thanh kim loại dài khoảng hơn 01m, phần đầu nhọn là dung khí của Trần T3 sử dụng để đâm gây thương tích cho Dương Văn N sau khi thực hiện hành vi phạm tội các đối tượng đã vứt đi không rõ vị trí; 01 chiếc điện thoại Iphone 11, màu đen, chưa xác định được số điện thoại do Dương Văn N sử dụng; 01 chiếc điện thoại Nokia 1202, màu đen, chưa xác định được số sim do Vũ Hồng M sử dụng sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị can đã làm rơi mất; 02 con dao làm bằng kim loại, dạng dao mèo dài khoảng 40-50cm, chuôi dao làm bằng gỗ trong quá trình gây rối trật tự công cộng Dương Văn N đã đưa cho ai đó cầm (chưa xác định được người cầm). Cơ quan CSĐT Công an thành phố Chí Linh đã ra thông báo truy tìm vật chứng và người quản lý nhưng không có kết quả.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 34C1-195.54 do Vũ Hồng M sử dụng là xe của bà bà Nguyễn Thị L và 01 chiếc xe mô tô H mượn của người đàn ông tên T5 sau khi thực hiện hành vi phạm M và H đã trả lại cho bà L và người tên T6 nên Cơ quan CSĐT công an thành phố Chí Linh không thu giữ; 01 xe ô tô màu trắng của T5 và 01 xe mô tô nhãn hiệu SH H1 đã sử dụng nhưng đến nay CQCSĐT Công an thành phố Chí Linh chưa làm việc được với H1 và T5.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình ông Trần T4 (là bố đẻ của Trần T3) không có yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với những tài sản bị thiệt hại; Anh Phạm Bá T không có yêu cầu bồi thường đối với những thanh kim loại mà T2, T1 và Đoàn Văn N đã lấy tại xưởng cơ khí của anh; Dương Văn N bị đánh thương tích 01%, không yêu cầu giải quyết về hành vi cố ý gây thương tích và không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Bản Cáo trạng số 110/CT-VKS-CL ngày 30/11/2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Dương Văn N, Trần Đức B, Vũ Hồng M, Ngô Văn T, Bùi Văn M1, Bùi Văn H, Trần Xuân T1, Nguyễn Văn T2, Trần T3 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thành khẩn khai nhận như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử mức án thấp nhất để sớm hòa nhập xã hội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh thực hành quyền công tố, trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Dương Văn N, Trần Đức B, Vũ Hồng M, Ngô Văn T, Bùi Văn M1, Bùi Văn H, Trần Xuân T1, Nguyễn Văn T2, Trần T3 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn N từ 11 đến 14 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/6/2022, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Xuân T1 từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 04/11/2022, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đức B từ 25 đến 28 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 50 đến 56 tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Hồng M, Bùi Văn H, Bùi Văn M1, Ngô Văn T, Nguyễn Văn T2.

Xử phạt bị cáo Vũ Hồng M từ 26 đến 29 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 đến 58 tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn M1 từ 26 đến 29 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 52 đến 58 tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H từ 25 đến 28 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 50 đến 56 tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn T từ 25 đến 28 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 50 đến 56 tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 từ 24 đến 27 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự đối với bị cáo Trần T3:

Xử phạt bị cáo Trần T3 từ 24 đến 27 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

Giao bị cáo Trần Đức B cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; các bị cáo Vũ Hồng M, Bùi Văn M1, Bùi Văn H, Ngô Văn T, Nguyễn Văn T2, Trần T3 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 ống làm bằng kim loại hình hộp có kích thước (2x2)cm dài 66cm, rộng ở giữa, hai đầu được cắt bằng phẳng và 01 ống kim loại hình hộp chữ nhật có kích thước (4x2)cm, một đầu được cắt vuông, một đầu nhọn, một cạnh dài 56cm, một cạnh còn lại dài 60cm, rộng giữa; 01 ống làm bằng kim loại hình hộp có kích thước (2x2)cm, một đầu cắt vuông, một đầu nhọn, chiều dài 232cm, rộng ở giữa do bà Nguyễn Thị L (là mẹ Trần T3) giao nộp; 01 con dao làm bằng kim loại, có chuôi dao bằng gỗ hình trụ dài 30 cm do Trần T3 giao nộp; 03 mảnh gạch vỡ màu nâu đỏ;

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

1.2. Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Những người có liên quan, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai nên căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, các bản kết luận giám định pháp y về thương tích, kết luận định giá tài sản, các tài liệu chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận: Xuất phát từ mâu thuẫn từ việc vay nợ nên khoảng hơn 19 giờ ngày 14/5/2022, tại khu vực lòng đường trước cửa nhà của Trần T3 ở KDC G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương khi Dương Văn N đòi tiền Trần T3 đã dẫn đến xô xát, Trần T3 đã cầm theo 01 thanh kim loại hình trụ, đường kính khoảng 2-3cm, chiều dài khoảng 1,5m, có 01 đầu nhọn đuôi đánh N. Sau đó, các bị cáo Dương Văn N, Trần Đức B, Vũ Hồng M, Bùi Văn H, Bùi Văn M1, Ngô Văn T, Trần Xuân T1, Nguyễn Văn T2, Đoàn Văn N và Nguyễn Huy H1 đã tụ tập dùng gậy sắt, chân tay đập phá cửa cuốn, dùng gạch ném vỡ camera nhà Trần T3, chửi bới gây mất trật tự khoảng 15 phút; Tiếp đó các bị cáo Dương Văn N, Trần Đức B, Vũ Hồng M, Bùi Văn H, Bùi Văn M1, Ngô Văn T, Đoàn Văn N và Nguyễn Huy H1 còn cầm theo 02 con dao đi lại chửi bới, gây mất trật tự trước cửa nhà Trần T3 khoảng 10 phút, khi được mọi người can ngăn mới bỏ về. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã gây mất an ninh trật tự, hoang mang dư luận trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên khu dân cư khu dân cư G, phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về trật tự xã hội. Trong vụ án này, Dương Văn N là người gọi bị cáo khác đến vừa là người thực hành tích cực, còn các bị cáo khác là đồng phạm giữ vai trò đồng phạm thực hành hoặc giúp sức, Trần T3 thực hiện với vai trò độc lập. Tại nơi công cộng các bị cáo có hành vi chửi bới, dùng hung khí đi lại, đập phá gây thiệt hại về tài sản, đuôi đánh gây thương tích đã làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe, tài sản của người khác. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, vụ án có nhiều bị cáo phạm tội nên cần đánh giá vai trò, vị trí, tính chất mức độ hành vi và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

4.1. Bị cáo Dương Văn N sau khi bị Trần T3 đánh đã gọi một số bị cáo khác đến và đã cùng các đồng phạm khác gây rối trật tự công cộng. Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; ăn năn, hối cải; có công trong việc phát hiện, tố giác tội phạm với cơ quan Công an để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; có đóng góp tích cực vào công tác từ thiện và phòng chống dịch bệnh nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ vai trò và tính chất, hậu quả của hành vi cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe trừng trị và phòng ngừa chung; Tuy vậy cũng cần xem xét nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là do mâu thuẫn trong việc vay nợ, bị cáo là người đi đòi nợ nhưng lại bị bị cáo Trần T3 dùng gậy đánh gây thương tích cho bị cáo trước, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử dưới khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

4.2. Bị cáo Trần Xuân T1 là đồng phạm thực hành tích cực, đã cùng các đồng phạm khác chuẩn bị công cụ và thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn trong quá trình điều tra; Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau một thời gian bỏ trốn bị cáo ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ vai trò và tính chất, hậu quả của hành vi cũng như nhân thân của bị cáo đã từng vi phạm pháp luật nên cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe trừng trị và phòng ngừa chung;

4.3. Bị cáo Vũ Hồng M, Bùi Văn M1, Bùi Văn H, Ngô Văn T, Nguyễn Văn T2 là đồng phạm thực hành, đã cùng các đồng phạm khác gây rối trật tự công cộng; Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; ăn năn, hối cải; có đóng góp tích cực vào công tác từ thiện và phòng chống dịch bệnh được chính quyền địa phương xác nhận; bị cáo T sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ vai trò và tính chất, hậu quả của hành vi và các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do vậy, không cần phải bắt các bị cáo cách ly xã hội, mà cho hưởng án treo và ân

định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

4.4. Bị cáo Trần Đức B là đồng phạm thực hành tích cực, đã cùng các đồng phạm khác gây rối trật tự công cộng; Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; có công trong việc phát hiện, tố giác tội phạm với cơ quan Công an để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; có đóng góp tích cực vào công tác từ thiện nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ vai trò và tính chất, hậu quả của hành vi và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do vậy, không cần phải bắt bị cáo cách ly xã hội, mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

4.5. Bị cáo Trần T3 thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng độc lập, việc dùng hung khí đuổi đánh, chửi bới tại nơi công cộng, gây thương tích cho Dương Văn N. Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn, hối cải; có đóng góp tích cực vào công tác từ thiện nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Từ vai trò và tính chất, hậu quả của hành vi và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Do vậy, không cần phải bắt bị cáo cách ly xã hội, mà cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách của án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về vật chứng:

5.1. Đối với 01 ống làm bằng kim loại hình hộp có kích thước (2x2)cm dài 66cm, rộng ở giữa, hai đầu được cắt bằng phẳng và 01 ống kim loại hình hộp chữ nhật có kích thước (4x2)cm, một đầu được cắt vuông, một đầu nhọn, một cạnh dài 56cm,

một cạnh còn lại dài 60cm, rộng giữa; 01 ống làm bằng kim loại hình hộp có kích thước (2x2)cm, một đầu cắt vuông, một đầu nhọn, chiều dài 232cm, rộng ở giữa do bà Nguyễn Thị L (là mẹ Trần T3) giao nộp; 01 con dao làm bằng kim loại, có chuôi dao bằng gỗ hình trụ dài 30cm do Trần T3 giao nộp; 03 mảnh gạch vỡ màu nâu đỏ thu tại hiện trường. Đây là các công cụ phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, có giá trị nhỏ nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.2. Đối với 01 thanh kim loại dài khoảng hơn 01m, hình trụ tròn có đường kính khoảng 2cm, phần đầu có gắn dao (Dương Văn N sử dụng); 01 thanh kim loại dài khoảng hơn 01m, phần đầu nhọn là dung khí của Trần T3 sử dụng để đâm gây thương tích cho Dương Văn N sau khi thực hiện hành vi phạm tội các đối tượng đã vứt đi không rõ vị trí; 01 chiếc điện thoại Iphone 11, màu đen, chưa xác định được số điện thoại do Dương Văn N sử dụng; 01 chiếc điện thoại Nokia 1202, màu đen, chưa xác định được số sim do Vũ Hồng M sử dụng sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị can đã làm rơi mất; 02 con dao làm bằng kim loại, dạng dao mèo dài khoảng 40-50cm, chuôi dao làm bằng gỗ trong quá trình gây rối trật tự công cộng Dương Văn N đã đưa cho ai đó cầm (chưa xác định được người cầm). Cơ quan CSĐT Công an thành phố Chí Linh đã ra thông báo truy tìm vật chứng và người quản lý nhưng không có kết quả nên không phải giải quyết.

5.3. Đối với chiếc xe mô tô BKS: 34C1-195.54 do Vũ Hồng M sử dụng là xe của bà Nguyễn Thị L và 01 chiếc xe mô tô H mượn của người đàn ông tên T sau khi thực hiện hành vi phạm M và H đã trả lại cho bà L và người tên T nên Cơ quan CSĐT công an thành phố Chí Linh không thu giữ; 01 xe ô tô màu trắng của T5 và 01 xe mô tô nhãn hiệu SH H1 đã sử dụng nhưng đến nay CQCSĐT Công an thành phố Chí Linh chưa làm việc được với H1 và T5 là phù hợp.

[6] Đối với những hành vi và những người liên quan:

6.1. Hành vi Trần T3 dùng hung khí gây thương tích cho Dương Văn N với tỷ lệ 01% thương tích, Dương Văn N có đơn đề nghị không khởi tố vụ án, khởi tố bị can nên Công an thành phố Chí Linh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần T3 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

6.2. Đối với hành vi của Nguyễn Huy H1 và Đoàn Văn N1 hiện các bị can bỏ trốn Cơ quan CSĐT Công an thành phố Chí Linh đã ra quyết định tách vụ án “Gây rối trật tự công cộng”, tách hành vi của các bị can H1, N1 để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý theo quy định là phù hợp.

6.3. Đối với hành vi của Bùi Văn T, Nguyễn Văn V, Phạm Đình H, Trần Danh K và một số thanh niên khác có mặt tại khu vực các đối tượng thực hiện hành vi gây rối Cơ quan CSĐT Công an thành phố Chí Linh đã ra quyết định tách vụ án “Gây rối trật tự công cộng”, tách hành vi của đối tượng liên quan để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý theo quy định là phù hợp.

6.4. Trần Đức B có hành vi dùng gạch ném làm gãy phần chân gắn camera và làm xước, lõm cửa cuốn nhà ông Trần T4 gây tổng thiệt hại là 600.000 đồng. Công an thành phố Chí Linh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản đối với B là đúng quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

7.1. Gia đình ông Trần T4 (là bố đẻ của Trần T3) không có yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với những tài sản bị thiệt hại; Anh Phạm Bá T không có yêu cầu bồi thường đối với những thanh kim loại mà T2, T1 và Đoàn Văn N đã lấy tại xưởng cơ khí của anh nên không phải giải quyết.

7.2. Dương Văn N bị đánh thương tích 01%, không yêu cầu giải quyết về hành vi cố ý gây thương tích và không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không phải giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Áp dụng quy định các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự đối với các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 318 Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Các bị cáo Dương Văn N, Trần Đức B, Vũ Hồng M, Ngô Văn T, Bùi Văn M1, Bùi Văn H, Trần Xuân T1, Nguyễn Văn T2, Trần T3 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Văn N **11 (Mười một)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/6/2022, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Xuân T1 **24 (Hai**

mười bốn) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 04/11/2022, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Hồng M **27** (*Hai mươi bảy*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **54** (*Năm mươi bốn*) tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn M1 **26** (*Hai mươi sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **52** (*Năm mươi hai*) tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn H **25** (*Hai mươi lăm*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **50** (*Năm mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Văn T **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **48** (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đức B **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **48** (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao

hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **48** (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ Luật Hình sự; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần T3 **24** (*Hai mươi bốn*) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách **48** (*Bốn mươi tám*) tháng kể từ ngày tuyên án 21/4/2023.

Giao bị cáo Trần Đức B cho Ủy ban nhân dân phường S, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; các bị cáo Vũ Hồng M, Bùi Văn M1, Bùi Văn H, Ngô Văn T, Nguyễn Văn T2, Trần T3 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại sáng màu dạng hình hộp kích thước (2x2)cm hai đầu được cắt vuông dài 66cm, rộng ở giữa; 01 thanh kim loại sáng màu dạng hình hộp chữ nhật kích thước (4x2)cm, một đầu được cắt vuông, một đầu cắt vát, một cạnh dài 56cm, một cạnh còn lại dài 60cm, rộng giữa; 01 thanh làm bằng kim loại hình hộp, rộng giữa một đầu cắt vuông, một đầu cắt vát, có kích thước (1,5x1,5x232)cm; 01 con dao có chuôi làm bằng gỗ hình trụ dài 12cm đường kính 03cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 30cm, bản rộng nhất 08cm; 03 mảnh gạch vỡ không xác định hình dạng có kích thước lần lượt là (6x6x4,5)cm, (6x6x4,5)cm, (6x5,5x4,5)cm;

(*Tình trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh*).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Dương Văn N, Trần Đức B, Vũ Hồng M, Ngô

Văn T, Bùi Văn M1, Bùi Văn H, Trần Xuân T1, Nguyễn Văn T2, Trần T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Chí Linh;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Sao Đỏ, phường Tân Dân;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Bách